

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2021/HSST
Ngày: 15-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đình Khoa.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Nữ Lệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 15 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2021, đối với bị cáo:

ĐẶNG HỮU S - Sinh năm 1965 tại Thái Bình.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 9, khu phố 2, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi ở: Như trên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Đặng Hữu S (đã chết); Mẹ: Nghiêm Thị T, sinh năm 1936; Vợ: Vũ Thị M, sinh năm 1966, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1997.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Hồ Thị Hoa - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người bị hại: Bà Trần Thị N, sinh năm 1958 (có mặt).

Trú tại: Tổ 11, khu phố Kim Sơn, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người làm chứng:

- Bà Trần Thị Hồng V, sinh năm 1991 (có mặt)

Trú tại: Tổ 6, khu phố Hương Tân, phường Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bà Phạm Ngọc L, sinh năm 1973 (có mặt)

Trú tại: Số 24 tổ 5, ấp Phước Bình, xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Ông Đặng Xuân H, sinh năm 1997 (có mặt)

Trú tại: Tổ 9, khu phố 2, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Ông Phạm Long T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 13, khu phố Kim Sơn, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình Đặng Hữu S và gia đình bà Trần Thị N cùng buôn bán mặt hàng rau củ tại Chợ Bà Rịa thuộc khu phố 2, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, sạp hàng của bà N liền kề với sạp hàng của gia đình S. Khoảng 22 giờ ngày 04-11-2020, Đặng Hữu S đang chuẩn bị hàng hóa để bày bán, S cầm trên tay 01 chiếc kéo dài khoảng 24cm dùng để cắt bao hành lá bên sạp hàng của mình. Lúc này, bà Trần Thị N cũng đang soạn hàng và phát hiện bị mất bóng đèn chiếu S nên buông lời chửi đồng, không chửi mắng đích danh ai. Nghe vậy, S lên tiếng nhắc nhở bà N không nên vắng tục, chửi thề thì hai bên xảy ra cãi vã, lời qua tiếng lại xúc phạm lẫn nhau, bà N tỏ thái độ thách thức nên S cầm theo cây kéo bước sang sạp hàng chỗ bà N đang đứng. Do bức tức, S đã dùng cây kéo đang cầm đâm vào phía sau người bà N bên trái. Hậu quả làm bà N bị thương.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 55/TgT ngày 09-3-2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- 04 sẹo nhỏ vùng lưng, lành tốt.
- Liệt chi trên bên trái từ mức độ nhẹ đến mức độ vừa.
- Tổn thương tủy gây liệt hai chi dưới từ mức độ nhẹ đến mức độ vừa.

2. Về tỷ lệ phần trăm thương tật từng vết thương:

- Thương tích 1,3,4: Mỗi thương tích có tỷ lệ thương tật 01%.
- Thương tích 2: Có tỷ lệ thương tật 54%.

3. Về vật gây thương tích, cơ chế, chiều hướng tác động:

Các thương tích nêu trên phù hợp với tổn thương cơ bản là "vết thủng", được gây ra do sự tác động tương hỗ bởi vật cứng nhọn, tác động vào vị trí vết thương theo chiều hướng từ sau ra trước, cơ chế đâm.

4. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra hiện tại là 55% (Năm mươi lăm phần trăm).

Trong quá trình điều trị thương tích, bà N mắc bệnh lý nhồi máu não, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bà Rịa đã trưng cầu Trung tâm Pháp y tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giám định bổ sung. Tại bản kết luận giám định pháp y số: 146/TgT ngày 07- 05-2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, kết luận:

1. Các dấu hiệu chính qua giám định:

- Không có vết thương/chấn thương vùng đầu, sọ não;
- 04 sẹo nhỏ vùng lưng, lành tốt.

- Tổn thương tủy sống, liệt chi trên bên trái từ mức độ nhẹ đến mức độ vừa, liệt hai chi dưới từ mức độ nhẹ đến mức độ vừa;

- Nhồi máu não bán cấp đôi thị phải (qua MRI);

2. Bệnh lý nhồi máu não bán cấp khu trú đôi thị có phải do thương tích vào ngày 04-11-2020 gây ra hay không? Bệnh lý nhồi máu não bán cấp khu trú đôi thị gây hậu quả như thế nào? Có gây liệt hay không? Có ảnh hưởng đến quá trình điều trị và phục hồi thương tích của bà Trần Thị N hay không?

Theo y văn:

- Nhồi máu não là quá trình bệnh lý, trong đó động mạch não bị hẹp hoặc bị tắc, lưu lượng tuần hoàn tại vùng não do động mạch đó phân bố giảm gây tổn thương tế bào não.

- Chưa ghi nhận chấn thương tủy sống có biến chứng muộn là nhồi máu não.

- Các chức năng của đôi thị bao gồm:

+ Là trạm dừng của mọi đường cảm giác và giác quan (trừ khứu giác) trước khi lên trung tâm vỏ não.

+ Là trung tâm dưới vỏ của cảm giác đau.

+ Tham gia vào việc điều hòa các vận động biểu hiện cảm xúc.

+ Các tổn thương liệt 2 chi dưới và liệt 01 chi trên ở bà Trần Thị N không phù hợp do tổn thương của vùng đôi thị gây ra;

Như vậy, các tổn thương liệt 2 chi dưới và liệt 01 chi trên ở bà N không phù hợp do tổn thương của vùng đôi thị gây ra.

- Khi đôi thị bị tổn thương, khả năng sẽ có ảnh hưởng đến việc phục hồi chức năng cảm giác của bệnh nhân.

Tại cơ quan điều tra, Đặng Hữu S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 95.492.000 đồng bao gồm các chi phí điều trị và sinh hoạt cho bị hại trong thời gian điều trị vết thương tại bệnh viện. Tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 350.000.000 đồng, bao gồm các khoản: Thu nhập bị mất là 700.000 đồng/ngày trong thời gian điều trị từ ngày 04-11-2020 đến ngày 04-11-2021 là 252.000.000 đồng; yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí tiền thuốc, tiền vật lý trị liệu, sinh hoạt phí 14.000.000 đồng/tháng trong thời gian 7 tháng là 98.000.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Bà Rịa tạm giữ 01 chiếc kéo có lưỡi bằng kim loại dài khoảng 14cm, cán kéo dài khoảng 10cm, hiện đã chuyển Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa bảo quản chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 62/CT-VKSBR ngày 06-8-2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã truy tố Đặng Hữu S về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Hữu S thừa nhận hành vi trái pháp luật của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa đã chuyển khung hình phạt và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Cố

ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự, đề nghị áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Hữu S mức hình phạt tù 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù giam.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự **tịch thu tiêu hủy**: 01 chiếc kéo có lưỡi bằng kim loại dài khoảng 14cm, cán kéo dài khoảng 10cm.

Về trách nhiệm dân sự: Về yêu cầu bồi thường thu nhập bị mất, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại, mức thu nhập bị mất được tính theo mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương cụ thể là 400.000 đồng/ngày, tính trong thời gian 1 năm là 144.000.000 đồng. Về yêu cầu chi phí tiền thuốc, tiền vật lý trị liệu, sinh hoạt phí trong thời gian 7 tháng. Xét thấy tình trạng mất khả năng lao động của bà N có một phần lỗi của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một 2/3 mức yêu cầu của bị hại là 65.000.000 đồng. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường chi bị hại số tiền là 209.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Hữu S trình bày tại phiên tòa:

Người bào chữa đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo. Tuy nhiên cần xem xét toàn bộ diễn biến sự việc để áp dụng hình phạt đúng với tính chất mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Thấy rằng nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là do bị hại có những lời lẽ không đúng chuẩn mực gây bức xúc làm cho bị cáo không kiềm chế được dẫn đến hành vi phạm tội. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ Viện kiểm sát đề nghị áp dụng thì thấy rằng bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội làm nhiệm vụ quốc tế tại Campuchia nên cần áp dụng thêm tình tiết người phạm tội là người có công với cách mạng theo quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình đã tích cực bồi thường cho bị hại số tiền 95.492.000 đồng trong thời gian bị hại điều trị tại bệnh viện, phần còn lại bị cáo đồng ý bồi thường theo quy định của pháp luật thể hiện bị cáo có thiện chí và có sự ăn năn về hành vi phạm tội của mình.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục** và tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về tiếp tục bồi thường thiệt hại cho bị hại.

Bị cáo nói lời nói sau cùng, bị cáo xin lỗi bị hại và nhận thấy hành vi của mình là sai trái, bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của bản thân, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ để bị cáo có cơ hội sớm trở về tiếp tục bồi thường thiệt hại cho người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bà Rịa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo Đặng Hữu S tại phiên tòa sơ thẩm về việc trực tiếp gây thương tích cho bị hại Trần Thị N là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với bản kết luận giám định pháp y về thương tích và các chứng cứ tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Từ đó có cơ sở để kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 04-11-2020, Đặng Hữu S đã có hành vi dùng kéo là một loại hung khí nguy hiểm đâm 4 nhát vào vùng lưng, gây thương tích cho bà Trần Thị N với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 55%. Hành vi của bị cáo Đặng Hữu S đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền được bảo vệ về sức khỏe của con người, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi dùng kéo là một loại hung khí nguy hiểm tác động vào người khác sẽ gây thương tích và sẽ bị xử lý nghiêm minh nhưng do bản tính hung hăng, coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Việc bị cáo dùng hung khí nêu trên đâm vào lưng người bị hại Trần Thị N là nguyên nhân chính gây ra thương tích cho nạn nhân.

Xét nguyên nhân xảy ra vụ án xuất phát từ những va chạm nhỏ giữa bị cáo và bị hại, bị cáo là người đã có tuổi lẽ ra bị cáo phải bình tĩnh xử lý tình huống nhưng vì nóng giận, thiếu kiềm chế nên không làm chủ được hành vi của mình, bị cáo đã cố ý dùng hung khí gây thương tích cho bị hại. Vì thế cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc bằng hình phạt tù có thời hạn để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người sống tuân thủ pháp luật đồng thời góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4]. Tuy nhiên, có xem xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi gây thương tích cho bị hại bị cáo đến công an phường đầu thú khai báo về hành vi của bản thân; bị cáo cùng gia đình đã tích cực chăm sóc và bồi thường chi phí điều trị cũng như chi phí sinh hoạt cho bị hại trong thời gian bị hại nằm viện; bị cáo hiện đã có tuổi sức khỏe không ổn định có nhiều bệnh lý cần điều trị; bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội làm nhiệm vụ quốc tế tại Campuchia; bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, quá trình sinh sống ở địa phương chấp hành tốt các chủ trương chính sách của nhà nước, có nhiều thành tích tham gia các hoạt động phong trào ở địa phương; bị cáo tham gia công tác phòng chống đại dịch Covid 19 tại địa phương. Quá trình lượng hình cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ này mà giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét thấy bị cáo S có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng Điều 54 xử phạt mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân sống có ích cho xã hội và thể hiện chính sách nhân đạo khoan hồng của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố Bà Rịa giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích là có cơ sở chấp nhận.

[6]. Xét quan điểm của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ người phạm tội là người có công với cách mạng theo quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội làm nhiệm vụ quốc tế tại Campuchia không thuộc trường hợp được xác định là người có công với cách mạng theo quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không có cơ sở để chấp nhận.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 350.000.000 đồng, bao gồm các khoản: Thu nhập bị mất là 700.000 đồng/ngày trong thời gian điều trị từ ngày 04-11-2020 đến ngày 04-11-2021 là 252.000.000 đồng; yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí tiền thuốc, tiền vật lý trị liệu, sinh hoạt phí 14.000.000 đồng/tháng trong thời gian 7 tháng là 98.000.000 đồng. Bị cáo cho rằng số tiền bị hại yêu cầu là vượt quá khả năng tài chính của gia đình bị cáo nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu về thu nhập bị mất là 700.000 đồng/ngày trong thời gian điều trị từ ngày 04-11-2020 đến ngày 04-11-2021 là 252.000.000 đồng của bà N. Hội đồng xét xử nhận thấy từ ngày 04-11-2020 đến nay bà N vẫn chưa thể lao động để tạo thu nhập nên bà N có yêu cầu bồi thường khoản thu nhập bị mất trong khoảng thời gian từ ngày 04-11-2020 đến ngày 04-11-2021 là có cơ sở chấp nhận. Xét về mức yêu cầu bồi thường là 700.000 đồng/ngày, xét thấy bà N không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh mức thu nhập bị mất của mình nên căn cứ quy định tại Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08-7-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì cần áp dụng mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương để xác định mức thu nhập bị mất của bà N. Mức thu nhập trung bình tại địa bàn được xác định là 400.000 đồng/ngày. Như vậy, thu nhập của bà N bị mất là 400.000 đồng/ngày x 12 tháng = 144.000.000 đồng.

Xét yêu cầu của bà N về chi phí tiền thuốc, tiền vật lý trị liệu, sinh hoạt phí 14.000.000 đồng/tháng trong thời gian 7 tháng là 98.000.000 đồng. Xét thấy tình trạng mất khả năng lao động của bà N hiện nay có một phần nguyên nhân do hành vi gây thương tích của bị cáo gây ra. Về mức bồi thường, như đã nhận định ở trên do bà N không chứng minh được mức thu nhập thực tế nên căn cứ vào mức thu nhập trung bình tại địa phương là 400.000 đồng/ngày, tức là 12.000.000

đồng/tháng. Do đó, cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại là 12.000.000 đồng trong thời hạn 7 tháng là 84.000.000 đồng.

Tổng cộng bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền là 228.000.000 đồng.

[7]. Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án là 01 chiếc kéo có lưỡi bằng kim loại dài khoảng 14cm, cán kéo dài khoảng 10cm, xét thấy hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

[8]. Về án phí: Bị cáo S phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Đặng Hữu S** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Đặng Hữu S 04 (bốn)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Đặng Hữu S bồi thường cho bà Trần Thị N số tiền 228.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; tuyên xử:

- **Tịch thu tiêu hủy:** 01 chiếc kéo có lưỡi bằng kim loại dài khoảng 14cm, cán kéo dài khoảng 10cm.

(Vật chứng trên hiện đang được Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số 76 ngày 16-8-2021).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Đặng Hữu S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 11.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo phải nộp 11.600.000 đồng (Mười một triệu sáu trăm ngàn đồng) án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15-11-2021), bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Bà Rịa, tỉnh BR-VT;
- Công an TP. Bà Rịa, tỉnh BR-VT;
- Sở tư pháp tỉnh BR-VT
- Thi hành án dân sự TP. Bà Rịa, tỉnh BR-VT;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Anh

